

ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA HỌC HÀNH KHOA BẢNG QUA MỘT SỐ ĐỊA DANH LÀNG Ở HÀ TĨNH

NGUYỄN VĂN LOAN
(NCS, Đại học Đồng Tháp)

1. Địa danh học là một ngành thuộc ngôn ngữ học, nghiên cứu về các mặt: đặc điểm cấu tạo, phương thức định danh, đặc điểm ý nghĩa và sự biến đổi của địa danh. Nghiên cứu địa danh góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề về: ngôn ngữ, lịch sử, địa lí, văn hoá...vì địa danh bao giờ cũng có mối quan hệ, những tác động qua lại với văn hoá, lịch sử, địa lí, ngôn ngữ,...nơi mà nó tồn tại. Theo đó, nghiên cứu địa danh trong những mối quan hệ với các mặt có liên quan như vừa nêu sẽ phác thảo được bức tranh toàn cảnh về một vùng đất từ quá khứ đến hiện tại.

2. Nghệ Tĩnh là một khu vực mà theo các nhà nghiên cứu còn bảo lưu được nhiều yếu tố về “tiếng Việt cổ”, không những vậy đây còn được xem là một vùng văn hoá đặc sắc của cả nước - văn hoá Nghệ Tĩnh. Con người Nghệ Tĩnh với những đặc trưng về giọng nói, tính cách đặc trưng đó tạo nên một vùng văn hoá khó có thể trộn lẫn vào một vùng nào khác, và một trong những nét tính cách tạo nên đặc trưng của khu vực này là tinh thần hiếu học. Có thể nói học hành đã trở thành “đạo” của con người nơi đây. Vượt qua những khó khăn về nhiều mặt, các thế hệ khác nhau ở xứ Nghệ luôn luôn phấn đấu học và học giỏi. Tinh thần hiếu học đã trở thành “thương hiệu” cho vùng đất từng là “phên dậu”, “biên viễn” của đất nước. Theo con số thống kê chưa đầy đủ trong sách “Các nhà khoa bảng Việt Nam 1705-1919” Hà Tĩnh có 142 vị đỗ đại khoa. Con số này có thể không phải là quá lớn nhưng đặt trong sự “quy chiếu” với một vùng đất xa

trung tâm, là “biên ải”, là đất “bàn đạp” của hầu hết các cuộc chiến tranh trong thời kì phong kiến, phải huy động sức người, sức của rất nhiều lần so với các vùng khác, thì con số này thật sự ấn tượng. Nó cho thấy sự phấn đấu vượt bậc của con người nơi đây. Dù cuộc sống không mấy được bình yên do những cuộc chiến tranh, dù điều kiện thiên nhiên không mấy ưu đãi, vượt lên tất cả với tinh thần “khô học” rất nhiều gia đình, rất nhiều dòng họ, rất nhiều làng xã trở thành “đất học”. Trường hợp một gia đình, một dòng họ có cha con, chú, bác, anh em, cháu, chắt cùng đỗ đạt không phải là hiếm thấy ở vùng đất Hà Tĩnh. Đó thật sự là một niềm tự hào, một vinh dự cũng chính là nét đặc trưng làm nên văn hoá của vùng đất này. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày về một số làng mà theo chúng tôi là tiêu biểu cho văn hoá học hành khoa bảng ở Hà Tĩnh.

3. Làng - một đơn vị địa danh có tính chất “cơ sở” cho văn hoá truyền thống ở Hà Tĩnh cũng như tất cả các vùng miền khác ở Việt Nam. Làng là nơi “phát sinh” cũng là nơi “lưu giữ” và “phát triển” những đặc trưng văn hoá cho mỗi vùng miền, có thể nói rằng làng là “biểu tượng” cho nền văn hoá lúa nước. “Văn hoá làng” được biểu hiện dưới nhiều khía cạnh của đời sống xã hội như: phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội, nghề nghiệp, văn nghệ,...trong đó, học hành, theo chúng tôi là một “dạng biểu hiện văn hoá” có tính chất đặc thù ở Hà Tĩnh. Vì rằng, nếu nói về làng nghề truyền thống chắc làng Hà Tĩnh không thể so sánh được với những làng nghề ở xứ Bắc như

làng gồm Bát Tràng, làng tranh Đông Hồ... Nói về làng văn nghệ chắc Hà Tĩnh cũng không thể có những làng có thể so được với những làng quan họ ở xứ Bắc. Về lễ hội cũng vậy, do là vùng đất “kinh kì” nên xứ Bắc trội hơn tất cả các vùng miền khác về rất nhiều lĩnh vực. Duy nhất chỉ có một “lĩnh vực” người xứ Nghệ nói chung và người Hà Tĩnh nói riêng “dám so đo” với các miền khác đó là “truyền thống học hành”. Câu phương ngôn được lưu hành phổ biến trước đây ở Thăng Long “bút Cầm Chi sĩ Thiên Lộc” như là một sự “ghi nhận” của người địa phương khác đối với nét văn hoá học hành khoa bảng ở vùng đất Hà Tĩnh.

Làng Tiên Điền

Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Tiên Điền và một số tài liệu khác như “Nghệ An ký” của Bùi Dương Lịch, “An Tĩnh cổ lục” của học giả người Pháp Hippolyte Le Bretton, Tiên Điền vốn là thái ấp được phong cho Nguyễn Thuyên Thự Quận công vào thế kỉ XVI do có công trạng với nhà Lê. Vào thời điểm này (thế kỉ XVI) nơi đây còn là bãi bồi hoang vu, người ở thưa thớt mang cái tên buồn thảm “Vô Điền” (không ruộng), “U Điền” (ruộng hoang). Qua hàng trăm năm, con người đã bỏ rất nhiều công sức khai phá để U Điền thành Tân Điền. Theo gia phả người có công đầu trong việc khai phá biến miền đất Vô Điền thành miền đất có ruộng canh tác là Nam Dương Quận công Nguyễn Nhiệm, sau khi mất ông được nhân dân tôn làm Thành hoàng làng. Đầu thế kỉ XVII Tân Điền được đổi tên thành Phú Điền do phải tránh tên húy của vua Lê Kính Tông. Sau đó Phú Điền lại được gọi là Tiên Điền, từ năm 1973 đến nay là xã Tiên Điền.

Dù thiên nhiên không mấy ưu đãi được xem là “địa bạc dân bản” nhưng Tiên Điền lại nổi tiếng về danh nhân khoa bảng. Nói về những mặt nổi trội của đất Nghi Xuân thời Lê - Nguyễn dân gian có câu: “Ló (lúa) Hoa (Xuân) Viên, quan Tiên Điền, tiền Hội Thống,

trống Đan Trày, đục chày Đan Hải”, “Tiên Điền thờ Thánh, Tả Ao thờ thần”, thánh ở đây là đạo Nho thể hiện truyền thống hiếu học của Tiên Điền. Thời Lê- Nguyễn cả huyện Nghi Xuân có 21 người đỗ đại khoa thì Tiên Điền có 6 người gồm một Hoàng giáp và bốn Tiến sĩ đều là người họ Nguyễn và một phó bảng là người họ Hà. Chỉ tính từ đời Lê đến đời Nguyễn Tự Đức, Tiên Điền có 29 Hương cống, 3 cử nhân, 6 sinh đồ- tú tài, chiếm gần 1/2 số người học hành đỗ đạt trong toàn huyện. Trong đó Nguyễn Huệ cùng em trai là Nguyễn Nhiệm và cháu là Nguyễn Khản cùng đỗ Tiến sĩ là trường hợp tiêu biểu cho sự đỗ đạt của Tiên Điền. Học hành đỗ đạt đã tạo nên một làng Tiên Điền “nhan nhân” những công hầu, khanh tướng, có người đứng vào hàng tể phụ của Triều đình (Nguyễn Nhiệm làm đến chức Tể tướng). Tiên Điền trở thành nơi đô hội, phồn hoa vào dạng nhất nhì của xứ Nghệ. Trong số những người đỗ đạt đó, nhiều người đã để lại những công trình trước tác quý giá, chẳng hạn: Bộ “Việt sử bị lãm” của Nguyễn Nhiệm được sử gia Phan Huy Chú đánh giá “Bình luận tinh khiết gọn đúng, được khen là danh bút” [4,.89]. Nguyễn Hành với “Minh quyền phả” và “Quan Hải Tập” đã được xếp vào hàng năm nhà thơ lớn nước Nam thời ấy (An Nam ngũ tuyệt). Đặc biệt phải kể đến Nguyễn Du, với tác phẩm Đoạn trường tân thanh (“Truyện Kiều”) bất hủ. Nguyễn Du (1765-1820), tự là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên, biệt hiệu là Hồng Sơn Liệp Bộ. Mặc dù về khoa bảng chỉ đỗ Tam trường, nhưng tài năng của Nguyễn Du là điều không phải bàn cãi, ông được nhà Nguyễn thăng đến chức Cần chính điện Đại học sĩ, Hữu tham tri bộ lại, từng là chánh sứ sang nhà Thanh. Nhưng cái làm nên tên tuổi của Nguyễn Du chính là sự nghiệp văn chương trác tuyệt của ông. Với ba tập thơ chữ Hán “Bắc Hành tạp lục”, “Nam Trung tạp ngâm”, “Thanh Hiên thi tập”, đặc biệt với tác phẩm thơ Nôm Đoạn trường tân thanh (“Truyện Kiều”) tài năng của Nguyễn Du được nâng lên tới tầm “vĩ nhân”. Cùng với

cháu là Nguyễn Hành, Nguyễn Du đã được xếp vào “An Nam ngũ tuyệt” và còn hơn thế nữa tên tuổi của ông đã được nâng lên tầm “danh nhân văn hoá thế giới” (Năm 1965, nhân kỉ niệm 200 năm sinh, UNESCO đã phong tặng Nguyễn Du là danh nhân văn hoá thế giới). Đây là một vinh dự lớn lao không chỉ đối với quê hương Tiên Điền, quê hương Hà Tĩnh mà còn là niềm tự hào của cả nước.

Một vài điều vừa nêu, cho phép chúng ta khẳng định rằng nét văn hoá nổi trội nhất của vùng quê Tiên Điền chính là truyền thống học hành khoa bảng. Mỗi khi có dịp tên làng Tiên Điền được nhắc đến thì tất cả đều nghĩ ngay đến nét văn hoá vừa nêu.

Làng khoa bảng Đông Thái - Tùng Ảnh

Nằm bên bờ sông La, trước ngã ba Tam Soa có thể nói Tùng Ảnh là đất “giang sơn tụ khí” cả về mặt phong thổ lẫn trầm tích văn hóa. Có thể xem đây là địa danh tiêu biểu là mảnh đất “địa linh nhân kiệt” bậc nhất xứ Nghệ và tiêu biểu trong cả nước. Xã Tùng Ảnh nay đã trải qua một lịch sử trên 600 năm với cái tên Nôm “kê Hạ” và nhiều lần thay đổi tên hành chính: Là thôn Tùng Ảnh thuộc xã Quyết Việt thời Trần; là thôn Tùng Ảnh thuộc xã Yên Việt đời Lê Thái Tổ, là xã Yên Việt đời vua Lê Thánh Tông, là xã Yên Trung đời vua Lê Kính Tông (thế kỉ XVII), là xã Yên Việt Hạ đời Nguyễn, sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là xã Châu Phong, nay là xã Tùng Ảnh huyện Đức Thọ (HT). Đây là vùng thắng tích đồng thời là đất học hành khoa bảng nổi tiếng, trong đó làng Đông Thái đứng ở vị trí nổi bật với 24 người đỗ đại khoa trong tổng số 44 vị Tiến sĩ của cả huyện. Đặc biệt dòng họ Phan từ Phan Văn Nhã, Phan Đình Vận, Phan Đình Phùng,... đến Phan Đình Tuyển, Phan Văn Phong, liên tiếp có 8 người đều thi đỗ đại khoa. Trong số những người đỗ đạt ở Đông Thái nổi bật có Hoàng giáp Bùi Dương Lịch, Hoàng giáp Bùi Thúc Kiền, thượng thư Phan Bá Đạt và Đình nguyên Tiến sĩ Phan Đình Phùng, tên tuổi của họ đã làm rạng danh vùng đất Đông Thái. Bước sang thời kì đổi mới

đất Đông Thái đã đóng góp cho dân tộc một nhân vật ưu tú, một nhà hoạt động Cách mạng lẫy lừng, Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam - Trần Phú. Những trí thức hiện đại như GS Hoàng Ngọc Hiến, nhà văn Hoàng Ngọc Phách, GS.TS Trần Bạch Thu Hà (nguyên Giám đốc nhạc viện Hà Nội), GS.TS Phạm Đức Dương (nguyên Viện trưởng viện Đông Nam Á), GS.TS Mai Trọng Nhuận (Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội), luật sư Phan Anh, luật sư Ngô Bá Thành,... đã tô điểm thêm truyền thống học hành của làng khoa bảng Đông Thái.

Làng Bát Cảnh Tràng Lưu

Nằm giữa một vùng đất lấy lừng khoa bảng với “Sạc sơn tứ diện công hầu” (Bốn phía núi Sạc Sơn đều là công, hầu) và địa danh Kê Trảng – Trảng Lưu nay là xã Trường Lưu huyện Can Lộc (HT) xứng đáng được xem là “làng văn hóa” với nghĩa chính xác nhất của từ này. Nổi tiếng với tên gọi làng Bát Cảnh (tám cảnh đẹp) tiêu biểu với: “Quan thị triều hà” (sáng sớm chợ Quan); “Phượng Sơn tịch chiếu” (nắng chiều chiếu núi Phượng); “Liên trì nguyệt sắc” (ánh trăng rọi xuống ao sen); “Cổ miếu duy âm” (bóng cây đa ở miếu Cạ); “Thạch tích hương truyền” (nước thơm ở giếng Thạch); “Nguyễn trang hoa mỹ” (hoa đẹp vườn nhà họ Nguyễn); “Hân thiên tự chung” (tiếng chuông chùa Hân); “nghĩa thương mộc đặc” (tiếng mõ nghĩa thương) và còn nổi tiếng hơn vì đây là “trung tâm văn hóa” vào loại bậc nhất của cả nước trong thời kì Phong kiến. Sở dĩ gọi Trảng Lưu là “trung tâm văn hóa” vì: thứ nhất ở đây có dòng họ Nguyễn Huy xứng đáng là một “danh gia vọng tộc”. Mở đầu và đỗ đạt cao là ông tổ Uyên Hậu đỗ Ngũ kinh bác sĩ đời Lê Hồng Đức (1470-1497), con là Hàm Hằng mới 15 tuổi cũng đỗ khoa thi hương. Đến cuối thời Lê, Nguyễn Huy Tự 28 tuổi đỗ Hương giải, con trai Nguyễn Huy Oánh đỗ Thám Hoa năm Canh Hưng (1748) làm quan đến chức Thượng thư bộ hộ, từng được cử đi sứ sang Trung Quốc; em trai ông là Nguyễn Huy Quynh đỗ Tiến Sĩ năm Nhâm Thìn (1772)

làm đến Đốc thị; con trưởng của Nguyễn Huy Oánh là Nguyễn Huy Tự đỗ Hương cống lúc 17 tuổi, sau được “ban tiến triều ứng vụ” liệt ngang hàng Tiến sĩ, ông là tác giả của truyện thơ “Hoa Tiên” nổi tiếng; con thứ của Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Huy Hồ tinh thông văn chương, y lý, thiên văn, địa lý nhưng không đi thi, là tác giả của “Mai Đình mộng ký” được lưu truyền rộng khắp.

Nổi bật nhất trong những người đỗ đạt của dòng họ Nguyễn Huy-Tràng Lưu có lẽ là Nguyễn Huy Oánh, ông là một học giả cự phách, đồng thời là một “ông Đồ”, một nhà sư phạm nổi tiếng. Chính ông là người đã lập nên “Phúc Giang thư viện” và “Tràng Lưu học hiệu” - Thư viện và trường học tư thục đầu tiên và có quy mô nhất Việt Nam thời đó. Phúc Giang thư viện như nhận xét của Quốc sử quán Trình Nguyễn trong “Đại Nam nhất thống chí” là “có đến mấy vạn đầu sách” và hàng ngàn bản khắc gỗ có giá trị. Phúc Giang thư viện có lẽ là thư viện duy nhất được các triều đình Phong kiến hai lần sắc phong, 500 bản khắc gỗ còn được lưu giữ cho đến ngày nay là một minh chứng cho quy mô của Phúc Giang thư viện 200 năm trước. Còn “Tràng Lưu học hiệu” xứng đáng là trường tư thục có quy mô nhất Việt Nam vào thời điểm đó với hàng nghìn người theo học và số người đỗ đạt cao cũng rất nhiều, có tới 30 Tiến sĩ, mấy trăm người đỗ Hương cống, Sinh đồ,.... Trong số những môn sinh tiêu biểu của “Tràng Lưu học hiệu” có Phạm Nguyễn Du, Phạm Quý Thích, Trần Công Xán,....” Phúc Giang thư viện” và “Tràng Lưu học hiệu” chính là lí do thứ hai để Tràng Lưu trở thành “Trung tâm văn hóa”. Càng có ý nghĩa hơn khi “trung tâm văn hóa” ấy hình thành trên một làng quê xa Kinh đô, nghèo khổ, thiếu thốn như bao vùng quê khác. Kết quả đó đã phản ánh một cách sâu sắc tinh thần hiếu học của một dòng họ một vùng quê và cả con người Hà Tĩnh nói chung

4. Trên đây chúng tôi đã trình bày một cách sơ lược về một số trường hợp tiêu biểu về

các địa danh làng gắn với nét văn hóa học hành-khoa bảng. Ngoài các làng trên ở Hà Tĩnh còn rất nhiều địa danh khác gắn với nét đặc thù đó như: Làng Kiệt Thạch (tam khoa tam Tiến sĩ), làng Phù Lưu Thượng, làng Trảo Nha, làng Gôi Mĩ,...mà chúng tôi không có điều kiện trình bày ở đây. Để kết thúc chúng tôi xin dẫn ra một vài câu trong bia văn của Nghị Lĩnh hầu Nguyễn Trọng- một người thuộc dòng họ Nguyễn Tiên Điền (NX) để thấy được tinh thần Nho học của vùng đất Hà Tĩnh... “Các con hãy ra sức học tập. Nếu các con không thể đọc hết sách Thánh hiền, thì ít nhất cũng hiểu sâu được tinh hoa của Ngũ Kinh và Tứ Thư... Các con hãy nhớ rằng thời giờ trôi qua rất nhanh, và kẻ nào đã bỏ phí thời giờ sẽ rất đau khổ. Hãy nhớ rằng những người lúc trẻ chỉ bo bo theo thói cổ hủ sẽ trở thành những đứa vô lại, nếu các con biết dùng khoảng thời gian còn lại cho sự học, các con sẽ hiểu thấu được tất cả những sách “bốn loại của Quốc gia thư khố”, các con sẽ hơn người trong các hội tao đàn cũng như trong các cuộc thi tài...”[3,117].

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Âu (1993), *Địa danh Việt Nam*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Nhã Bản (chủ biên), Ngô Văn Cảnh, Phan Xuân Đạm, Nguyễn Thế Ki (2001), *Bản sắc văn hóa người Nghệ Tĩnh* (Trích dẫn liệu ngôn ngữ). NXB Nghệ An.
3. Hippolyte Le Breton (1936), *An Tĩnh cổ lục*. Nguyễn Đình Khang dịch. Bản đánh máy lưu hành tại Thư Viện Nghệ An.
4. Thái Kim Đỉnh (2000), *Làng cổ Hà Tĩnh*. Sở văn hóa thông tin và hội liên hiệp VHNT
5. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh thành phố Hồ Chí Minh*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Trần Ngọc Thêm (1999), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Đức Tồn (2002), *Tìm hiểu đặc trưng văn hóa- dân tộc của ngôn ngữ và tư duy của người Việt* (trong sự so sánh với các dân tộc khác). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-10-2011)